

Bản án số: 335/2022/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Soan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2022/QĐST-DS ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951, địa chỉ: đường Lê Văn Thọ, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số Đường số 59, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Mỹ P, sinh năm 1969 và ông Trần Công L, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Số Đường số 1, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị C, vắng mặt bà Phạm Mỹ P, ông Trần Công L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày như sau:

Nguyên đơn có cho vợ chồng bà Phạm Mỹ P và ông Trần Công L vay tổng số tiền theo các giấy vay nợ sau: Giấy vay nợ đề ngày 20/08/2020 vay số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và 02 lượng vàng SCJ; giấy vay nợ đề ngày 01/10/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); giấy vay nợ

đề ngày 18/8/2021 vay số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và 03 lượng vàng SJC. Khi vay số tiền trên bà Nguyễn Thị T và Phạm Mỹ P đã thỏa thuận mức lãi suất theo giấy vay tiền ngày 20/8/2020 là 3%/tháng, đồng thời thỏa thuận 05 lượng vàng SJC quy ra tiền mặt là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên bà Phạm Mỹ P chỉ trả được 2, 3 tháng rồi ngưng không trả nữa. Như vậy tổng cộng bà Phạm Mỹ P còn thiếu bà 1.630.000.000 đồng tiền vốn.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Lẽ, bà Phạm Mỹ P phải trả lãi của số tiền 1.330.000.000 đồng tính từ ngày bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện ra tòa là ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử hôm nay là 9 tháng, tổng cộng là 89.775.000 đồng ($1.330.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 89.775.000 \text{ đồng}$).

Bị đơn ông Trần Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Công L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Phạm Mỹ P trình bày: Bà xác nhận có vay bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 1.330.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng); 5 lượng vàng (tương đương 300.000.000 đồng) theo các giấy nợ mà bà Nguyễn Thị T đã giao nộp cho Tòa. Nhưng do trước đây bà Nguyễn Thị T có hứa cho bà Phạm Mỹ P một nửa số tiền, bà xin trả số tiền còn lại trong thời hạn 2 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Mỹ P phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.630.000.000 đồng, tiền lãi 89.775.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu ông Trần Công L phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà Phạm Mỹ P. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Mỹ P và ông Trần Công L phải trả cho bà số tiền theo hợp đồng vay tiền nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Trần Công L, bà Phạm Mỹ P hiện đang cư ngụ tại quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Công L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Công L.

[3] Về nội dung:

3.1 Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Phạm Mỹ P và ông Trần Công L phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.630.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các Giấy vay nợ đề ngày 20/08/2020 vay số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và 02 lượng vàng SCJ; giấy vay nợ đề ngày 01/10/2020 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); giấy vay nợ đề ngày 18/8/2021 vay số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và 03 lượng vàng SJC và bà Phạm Mỹ P xác nhận thể hiện bà Nguyễn Thị T có cho bà Phạm Mỹ P vay số tiền 1.330.000.000 đồng và 05 lượng vàng SJC tương đương là 300.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.630.000.000 đồng.

Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Công L nhưng trong các giấy nợ không thể hiện ông Trần Công L có vay chung số nợ trên với bà Phạm Mỹ P. Bà Phạm Mỹ P trình bày bà vay số nợ trên của bà Nguyễn Thị T để giải quyết công việc riêng, bà Phạm Mỹ P khẳng định ông Trần Công L hoàn toàn không biết việc bà vay tiền của bà Nguyễn Thị T, do đó không có căn cứ để buộc ông Trần Công L cùng chịu trách nhiệm với bà Phạm Mỹ P trả số nợ trên cho bà Nguyễn Thị T.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý”. Bà Nguyễn Thị T đã thực hiện thông báo đòi tiền – Vi bằng do văn phòng Thừa phát lại Gia Định lập ngày 16/3/2022 nhưng bà Phạm Mỹ P vẫn chưa thanh toán cho bà Nguyễn Thị T nên việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi bà Phạm Mỹ P phải trả nợ là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Mỹ P phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.630.000.000 đồng.

3.2 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi là 89.775.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu tính lãi 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, tính từ ngày khởi kiện cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm như sau:

$$1.330.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 0,75\% = 89.775.000 \text{ đồng.}$$

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...*”.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*...lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ.*”.

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*...lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 9%/năm, tương đương với số tiền 89.775.000 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do bà Phạm Mỹ P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Phạm Mỹ P trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Phạm Mỹ P phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.719.775.000 đồng. Do đó bà Phạm Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.593.250 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phạm Mỹ P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.719.775.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 1.630.000.000 đồng và tiền lãi là 89.775.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Mỹ P chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà Phạm Mỹ P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Công L cùng bà Phạm Mỹ P phải trả nợ số tiền 1.719.775.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.593.250 đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Công L, bà Phạm Mỹ P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan